

# PHỤ LỤC CHƯƠNG 2:

## Truy nguyên sản phẩm

Tài liệu SA-S-SD-20

Phiên bản 1.2

VN

Bản dịch được xuất bản vào ngày 27 tháng 7 năm 2024

Có hiệu lực từ ngày 11 tháng 06 năm 2024

Tài liệu này bao gồm:

[S02 Truy nguyên Sản phẩm](#)



**RAINFOREST  
ALLIANCE**



Rainforest Alliance đang xây dựng một thế giới bền vững hơn thông qua việc sử dụng các nguồn lực xã hội và thị trường để bảo vệ thiên nhiên và cải thiện cuộc sống cho người nông dân và cộng đồng sống gần rừng.

| Tên tài liệu  | Ngày xuất bản lần đầu                                 | Ngày hết hạn                 |
|---|---|------------------------------|
| Phụ lục Chương 2: Truy nguyên sản phẩm  | 01/07/2022  | Cho đến khi có thông báo mới |
| <b>Tài liệu liên quan</b>   |   |                              |
| SA-S-SD-1 Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững 2020 của Rainforest Alliance, các yêu cầu dành cho Trang trại<br>SA-S-SD-2 Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững 2020 của Rainforest Alliance, Yêu cầu đối với Chuỗi Cung ứng |   |                              |
| <b>Thay thế</b>   | <b>Áp dụng cho</b>                                    |                              |
| SA-S-SD-20-V1.1 Phụ lục Chương 2: Truy nguyên Sản phẩm, được xuất bản vào ngày 06 tháng 02 năm 2023   | Đơn vị Sở hữu Chứng nhận Trang trại và Chuỗi Cung ứng |                              |

Các phụ lục mang tính ràng buộc và phải tuân thủ để được chứng nhận.

**Bạn cần biết thêm thông tin?**

Để biết thêm thông tin về Rainforest Alliance, hãy truy cập [www.rainforest-alliance.org](http://www.rainforest-alliance.org), liên hệ [info@ra.org](mailto:info@ra.org) hoặc liên hệ Văn Phòng Rainforest Alliance Amsterdam, De Ruijterkade 6, 1013AA Amsterdam, Hà Lan.

**Phản ghi chú miễn trừ trách nhiệm dịch thuật**

Vui lòng tham khảo văn bản chính thức bằng Tiếng Anh để hiểu rõ nếu bạn có bất kỳ thắc mắc nào liên quan đến ý nghĩa chính xác của thông tin trong bản dịch. Mọi thông tin sai lệch hoặc khác biệt về nghĩa do bản dịch đều không mang tính ràng buộc và không có hiệu lực cho mục đích thanh tra hoặc chứng nhận.

Nghiêm cấm mọi hình thức sử dụng nội dung này, bao gồm việc sao chép, sửa đổi, phân phát hoặc tái bản khi chưa được Rainforest Alliance đồng ý trước bằng văn bản.



## TỔNG QUAN VỀ NHỮNG THAY ĐỔI CHÍNH

Tổng quan về những điều chỉnh trong tài liệu này

SA-S-SD-20-V1.2 Phụ lục Chương 2: Truy nguyên Sản phẩm, được xuất bản vào ngày 01 tháng 7 năm 2024

so với phiên bản trước

SA-S-SD-20-V1.1 Phụ lục Chương 2: Truy nguyên Sản phẩm, được xuất bản vào ngày 06 tháng 02 năm 2023

| Mục | Chủ đề                           | Thay đổi   |
|-----|----------------------------------|--|
| 1   | Cân bằng Khối lượng/Mass Balance | Bổ sung rằng cân bằng khối lượng hiện đã có thể được áp dụng cho điều và hạnh nhân       |
| 1   | Cân bằng Khối lượng/Mass Balance | Làm rõ về khả năng áp dụng cân bằng khối lượng đối với các loại thảo mộc và gia vị chính |
| 3   | 2.1.9                            | Bổ sung tỷ lệ chuyển đổi đối với điều và hạnh nhân                                       |
| 4   | 2.3.3 & 2.3.4 Đối chiếu xuất xứ  | Nêu rõ phạm vi của các quy tắc đối chiếu xuất xứ   |
| 4   | 2.3.3 & 2.3.4 Đối chiếu xuất xứ  | Nêu rõ phạm vi của các yêu cầu giai đoạn 2   |
| 4   | 2.3.3 & 2.3.4 Đối chiếu xuất xứ  | Đơn giản hóa nội dung về tiếp cận xuất xứ khu vực  |



## MỤC LỤC

|  |    |
|--|----|
| S02 Truy nguyên Sản phẩm.....  | 5  |
| 1. Giới Thiệu.....   | 5  |
| Phạm vi và khả năng áp dụng cho các yêu cầu truy nguyên sản phẩm .....           | 5  |
| Các loại truy nguyên sản phẩm.....   | 5  |
| • <i>Đảm bảo nhận dạng sản phẩm (IP)</i> .....                                   | 5  |
| • <i>Phân loại Quản lý Riêng biệt (SG)</i> .....                                 | 5  |
| • <i>Cân bằng khối lượng (MB)</i> .....  | 5  |
| Phạm vi các loại truy nguyên sản phẩm .....                                      | 6  |
| 2. Truy nguyên sản phẩm.....   | 7  |
| Yêu cầu 2.1.7 - bán vượt khối lượng chứng nhận .....                             | 7  |
| 3. Truy nguyên sản phẩm trên hệ thống quản lý trực tuyến .....                   | 7  |
| Các hoạt động của hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm .....                    | 7  |
| Yêu cầu 2.1.9 - chuyển đổi sản phẩm được chứng nhận .....                        | 7  |
| Yêu cầu 2.1.9 - tỷ lệ chuyển đổi.....  | 7  |
| Yêu cầu 2.2.1 - quản lý các giao dịch đầu ra của sản phẩm được chứng nhận .....  | 9  |
| Yêu cầu 2.2.2 - quản lý các giao dịch đầu vào của sản phẩm được chứng nhận ..... | 9  |
| Yêu cầu 2.2.3 - xóa khối lượng được chứng nhận .....                             | 9  |
| Yêu cầu 2.2.1 và 2.2.3 - thời điểm báo cáo .....                                 | 9  |
| Yêu cầu 2.2.5 - tổng hợp các giao dịch.....                                      | 10 |
| 4. Cân bằng khối lượng .....   | 10 |
| Yêu cầu 2.3.1 - chuyển đổi khối lượng .....                                      | 10 |
| Yêu cầu 2.3.3 và 2.3.4 - phù hợp về nguồn gốc .....                              | 10 |
| Yêu cầu Giai đoạn 1.....   | 11 |
| Yêu cầu Giai đoạn 2.....   | 11 |
| Tiếp cận khu vực xuất xứ.....  | 11 |



# S02 TRUY NGUYÊN SẢN PHẨM

## 1. GIỚI THIỆU

Tài liệu này cung cấp thêm thông tin chi tiết về các yêu cầu trong chương truy nguyên sản phẩm trong Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững 2020 của Rainforest Alliance.

Thông tin bổ sung về việc thực hiện các quy định và yêu cầu có trong [tài liệu Hướng dẫn Truy nguyên Sản phẩm SA-G-SC-42](#).

### Phạm vi và khả năng áp dụng cho các yêu cầu truy nguyên sản phẩm

Truy nguyên sản phẩm phải được duy trì sao cho dòng sản phẩm được chứng nhận có thể được giao dịch trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Truy nguyên sản phẩm cũng cho phép đảm bảo rằng các sản phẩm được bán dưới dạng Rainforest Alliance Certified tuân thủ yêu cầu này. Tất cả đơn vị sở hữu chứng nhận trang trại và chuỗi cung ứng làm việc với các sản phẩm được chứng nhận thường cần tuân thủ các yêu cầu về truy nguyên sản phẩm, dựa trên các yêu cầu bắt buộc được cung cấp trong danh sách kiểm tra theo ngữ cảnh sau khi đăng ký trong Nền tảng Chứng nhận Rainforest Alliance (RACP).

Việc duy trì truy nguyên sản phẩm là bắt buộc đối với khối lượng chứng nhận ban đầu và khối lượng được chứng nhận theo Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững (SAS) của Rainforest Alliance 2020.

Chương 2.2 của tiêu chuẩn chỉ áp dụng cho các loại cây trồng có khả năng truy nguyên trên hệ thống quản lý trực tuyến.

Các nhà bán lẻ thường được miễn các yêu cầu truy nguyên sản phẩm, vì họ có thể chọn tham gia truy nguyên hay không và nhận các giao dịch từ nhà sản xuất. Tuy nhiên, nếu các nhà bán lẻ chịu trách nhiệm thanh toán SD/SI (ngoại trừ chè), thì các yêu cầu truy nguyên cũng được áp dụng cho họ.

### Các loại truy nguyên sản phẩm

Các loại truy nguyên sản phẩm sau có sẵn trong các chuỗi cung ứng được chứng nhận, được liệt kê từ loại truy nguyên sản phẩm “cao nhất” đến “thấp nhất”: *đảm bảo nhận dạng sản phẩm (IP)*, *phân loại quản lý riêng biệt (SG)* và *cân bằng khối lượng (MB)*.

- **Đảm bảo nhận dạng sản phẩm (IP)**

Một loại truy nguyên sản phẩm trong đó sản phẩm được Rainforest Alliance Certified chứng nhận có thể được truy ngược về đơn vị sở hữu chứng nhận trang trại. Đây là loại hình truy nguyên nghiêm ngặt nhất. Không được trộn lẫn thành phần hoặc sản phẩm được chứng nhận với thành phần hoặc sản phẩm không được chứng nhận, hoặc với thành phần hoặc sản phẩm được chứng nhận từ các nguồn khác. Nếu sản phẩm được chứng nhận được lấy từ các nguồn/trang trại được chứng nhận khác nhưng vẫn giữ nguyên thông tin nhận dạng sản phẩm xuyên suốt chuỗi cung ứng, thì có thể áp dụng loại phụ *Đảm bảo Nhận dạng Sản phẩm Trộn lẫn (IP Trộn lẫn)*.

- **Phân loại Quản lý Riêng biệt (SG)**

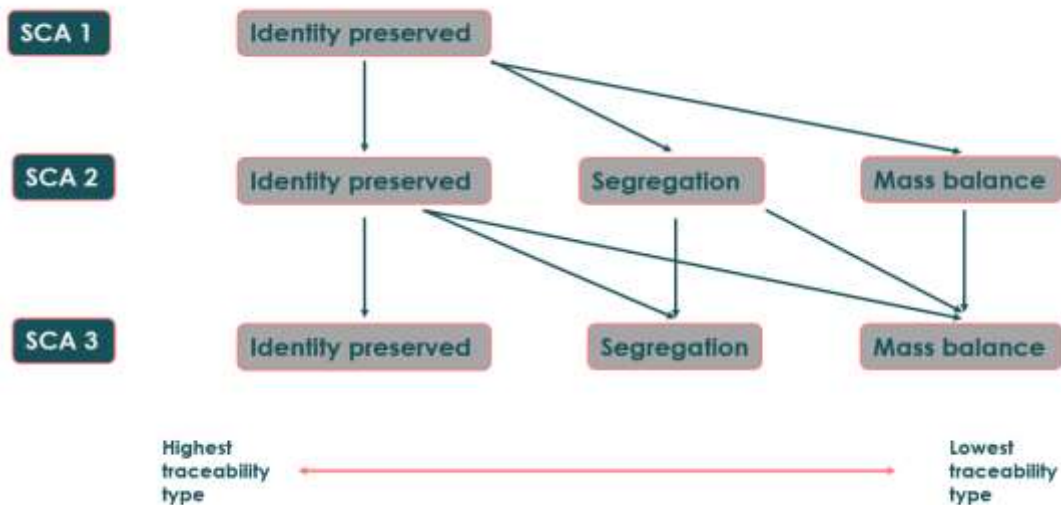
Quy trình truy nguyên sản phẩm, trong đó sản phẩm được chứng nhận được tách biệt và không trộn lẫn với sản phẩm không được chứng nhận, cả về mặt sản phẩm thực tế lẫn trên giấy tờ. Việc tách biệt này phải được thực hiện trong suốt các giai đoạn nhập kho, chế biến, đóng gói, bảo quản và vận chuyển của chuỗi cung ứng. Điều này có nghĩa là sản phẩm được chứng nhận đầy đủ, mặc dù không xác nhận được (các) nguồn gốc.

- **Cân bằng khối lượng (MB)**

Cân bằng khối lượng là một loại truy nguyên hành chính, trong đó sản phẩm được chứng nhận và không được chứng nhận có thể được trộn lẫn, nhưng không có khối lượng sản phẩm nào được bán dưới dạng được chứng nhận nhiều hơn lượng được mua ban đầu dưới dạng được chứng nhận. Đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng (CH) cần quản lý tất cả các đầu vào và đầu ra được chứng nhận và không được chứng nhận trong tài liệu nội bộ và việc bán khối



lượng được chứng nhận cần phải được đăng ký chính xác trong nền tảng truy nguyên sản phẩm.



### SCA = ĐƠN VỊ/NHÀ CUNG ỨNG SẢN PHẨM

Không thể nâng cấp một loại truy nguyên sản phẩm lên loại khác. Ví dụ: không thể tạo thông tin đầu ra bằng loại truy nguyên sản phẩm đảm bảo nhận dạng sản phẩm khi đầu vào là phân loại quản lý riêng biệt. Tuy nhiên, có thể hạ cấp từ loại truy nguyên sản phẩm cao hơn xuống loại thấp hơn, ví dụ: từ phân loại quản lý riêng biệt xuống cân bằng khối lượng.

### Phạm vi các loại truy nguyên sản phẩm

Loại truy nguyên sản phẩm *đảm bảo nhận dạng* sản phẩm có thể được áp dụng cho bất kỳ loại cây trồng nào nằm trong phạm vi chứng nhận của Rainforest Alliance.

Loại truy nguyên sản phẩm phân loại quản lý *riêng biệt* có thể được áp dụng cho bất kỳ loại cây trồng nào nằm trong phạm vi chứng nhận của Rainforest Alliance. Các CH trang trại không thể áp dụng quản lý riêng biệt.

*Cân bằng khối lượng* có thể được áp dụng cho các loại cây trồng sau: ca cao, trái cây đã chế biến (bao gồm nước cam ép), hạt dẻ, điều, dầu dừa, hoa<sup>1</sup> cũng như các loại thảo mộc và gia vị chính<sup>2</sup>. Tất cả đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng (người mua đầu tiên trở đi) có thể chọn cân bằng khối lượng làm loại truy nguyên sản phẩm cho những loại cây trồng này. Đơn vị sở hữu chứng nhận trang trại có thể áp dụng cấp độ truy nguyên sản phẩm cân bằng khối lượng đối với hạt dẻ, điều, dầu dừa và các loại hoa.

<sup>1</sup> Đối với các loại hoa, việc truy nguyên sản phẩm bằng cân bằng khối lượng được thực hiện dựa trên số lượng đầu vào được chứng nhận (cành hoa) mà CH nhận được trong một khoảng thời gian nhất định (ngày/tuần/năm) và cho phép CH công bố tỷ lệ phần trăm đầu vào được chứng nhận có trong thành phẩm của mình.

<sup>2</sup> Các loại thảo mộc và gia vị chính là trà rooibos, vani, nghệ tây, tiêu, quế, ớt, kinh giới, rau mùi, ớt Paprika, thảo quả, thì là, đinh hương, mùi tây (ngò tây), nhục đậu khấu, húng tây, lá nguyệt quế, hương thảo và cây ngải giấm.





## 2. TRUY NGUYÊN SẢN PHẨM

### Yêu cầu 2.1.7 – bán vượt khối lượng chứng nhận

Bán vượt khối lượng chứng nhận có nghĩa là bán hai lần cùng một khối lượng sản phẩm được chứng nhận theo nhiều chương trình chứng nhận, một lần theo Chứng nhận Rainforest Alliance và một lần theo chương trình chứng nhận khác hoặc bán thông thường. Không được phép bán vượt khối lượng chứng nhận.

Ví dụ: 100 MT cà phê do một trang trại sản xuất có thể được chứng nhận là sản phẩm cà phê hữu cơ và được Rainforest Alliance chứng nhận và được bán dưới dạng:

- 100 MT *chỉ* được Rainforest Alliance Chứng nhận hoặc
- *chỉ* là 100 MT Hữu cơ hoặc
- 100 MT Hữu cơ được Rainforest Alliance Chứng nhận (đồng thời trong một lô hàng) cho một người mua.

Tuy nhiên, không thể bán riêng lẻ chính lượng cà phê đó dưới hai danh nghĩa 100 MT cà phê hữu cơ và 100 MT cà phê được Rainforest Alliance Chứng nhận.

## 3. TRUY NGUYÊN SẢN PHẨM TRÊN HỆ THỐNG QUẢN LÝ TRỰC TUYẾN

### Các hoạt động của hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm

Nền tảng truy nguyên sản phẩm của Rainforest Alliance phản ánh sự chuyển nhượng của sản phẩm được Rainforest Alliance Chứng nhận trong toàn bộ chuỗi cung ứng và được triển khai ở cấp độ của đơn vị sở hữu chứng nhận (CH). Nếu CH được chứng nhận sở hữu nhiều cơ sở, thì quản trị viên nhiều cơ sở (quản lý tập trung) sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các yêu cầu truy nguyên sản phẩm. Truy nguyên sản phẩm không bắt buộc đối với quá trình chuyển nhượng của sản phẩm được chứng nhận giữa các cơ sở trong cùng một chứng nhận.

Trong hầu hết trường hợp, điều này tuân theo quyền sở hữu hợp pháp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, ví dụ: khi có sự tham gia của nhà thầu phụ, việc này sẽ tuân theo quyền sở hữu thực tế. Báo cáo đưa đến: Bán hàng, chuyển đổi, xác nhận, trộn lẫn, quy đổi, xóa sản phẩm được chứng nhận.

Nếu một CH làm việc với các đơn vị/nhà thầu phụ thực hiện các quy trình trong đó khối lượng được sửa đổi, ví dụ: thông qua sản xuất, những chuyển đổi đó phải được báo cáo bởi chính đơn vị/nhà thầu phụ hoặc bằng cách thêm các hoạt động của đơn vị/nhà thầu phụ vào hồ sơ của CH.

### Yêu cầu 2.1.9 – chuyển đổi sản phẩm được chứng nhận

Đối với các hoạt động như chế biến dẫn đến thay đổi khối lượng được chứng nhận (ví dụ: từ cà phê nhân xanh sang cà phê rang) và các hoạt động như sản xuất dẫn đến một sản phẩm khác (ví dụ: sản phẩm nhiều thành phần) nhưng không dẫn đến thay đổi khối lượng được chứng nhận, CH chuỗi cung ứng bắt buộc phải đăng ký “chuyển đổi” và/hoặc “báo cáo sản xuất” trong hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm trước khi bán tiếp.

Đối với khối lượng không bắt buộc phải bán tiếp trong hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm và cần được SC CH mua lại, các hoạt động “chuyển đổi” và/hoặc “báo cáo sản xuất” không cần thực hiện (ngoại trừ chè) trước khi quy đổi.

Đối với các công ty chè, hoạt động “chuyển đổi” và/hoặc “kết hợp” phải luôn được báo cáo trước khi mua lại khối lượng.

### Yêu cầu 2.1.9 - tỷ lệ chuyển đổi

Bảng dưới đây cho biết tỷ lệ chuyển đổi của *cân bằng khối lượng*, cho các ngành hàng chấp nhận loại truy nguyên sản phẩm này. Tỷ lệ chuyển đổi của hai loại truy nguyên sản phẩm *phân loại quản lý riêng biệt* và *đảm bảo nhận dạng sản phẩm* được đặt trước trong hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm.



| <b>Cây trồng/Ngành hàng</b>  | <b>Hệ số chuyển đổi</b>   |
|--|---|
| <b>Ca cao</b>  |   |
| Từ hạt thành ca cao lỏng   | 1:0,82  |
| Từ hạt thành hạt nghiền  | 1:0,82  |
| Từ hạt nghiền thành ca cao lỏng  | 1:1   |
| Từ ca cao lỏng thành bơ và bột   | 1:0,5:0,5   |
| Sô cô la đến sô cô la  | 1:1   |
| <b>Hạt phi</b>   |   |
| Từ có vỏ thành nhân  | 1:0,5   |
| Từ nhân thành nhân rang  | 1:0,94  |
| Từ nhân thành nhân đã được chế biến (như chần, băm nhỏ, cắt lát, v.v.) | 1:1   |
| Từ nhân rang thành nhân rang được chế biến                             | 1:1   |
| <b>Dừa</b>   |   |
| Từ quả tươi thành cùi dừa khô  | 1:0,25  |
| Từ cùi dừa khô thành dầu dừa thô                                       | 1:0,62  |
| Từ dầu dừa thô thành tinh dầu dừa (RBD)                                | 1:0,96  |
| Từ dầu dừa thô thành tinh dầu dừa (đã được hydro hóa)                  | 1:0,96  |
| <b>Cam</b>   |   |
| Từ trái cây tươi để thành viên hòa tan (SS)                            | $\text{Kg SS} = (\text{X hộp trái cây tươi} / \text{Y hộp mỗi tấn FCOJ ở 66 Brix}) \times 1000 \times 66\%$ |
| Từ viên hòa tan thành nước ép (FCOJ)                                   | 1:1   |
| Từ viên hòa tan thành nước ép (NFC)                                    | 1:1   |
| Từ nước ép thành nước ép hoàn nguyên                                   | 1:1   |
| <b>Điều và Hạnh nhân</b>   |   |
| Từ có vỏ thành nhân  | 1:0,25  |
| Từ nhân thành nhân được chế biến                                       | 1:0,95  |
| Từ nhân thành nhân rang  | 1:0,95  |
| Từ nhân thành hỗn hợp nghiền   | 1:1   |
| Từ nhân rang thành nhân rang được chế biến                             | 1:0,95  |
| Từ nhân rang thành hỗn hợp nghiền                                      | 1:1   |





## **Yêu cầu 2.2.1 – quản lý các giao dịch đầu ra của sản phẩm được chứng nhận**

Mọi hoạt động mua bán sản phẩm được chứng nhận giữa các doanh nghiệp phải được báo cáo thông qua hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm của Rainforest Alliance, bắt đầu từ CH trang trại cho đến:

- a) điểm mà tại đó sản phẩm được chứng nhận được đóng gói và dán nhãn là sản phẩm hoàn chỉnh dành cho người tiêu dùng dưới thương hiệu riêng của CH. Trong trường hợp này, sản phẩm được chứng nhận được quy đổi<sup>3</sup> từ hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm.
- b) điểm mà chuỗi cung ứng CH sản xuất thành phẩm hướng tới người tiêu dùng bán cho đơn vị sở hữu thương hiệu. Trong trường hợp này, giao dịch bán sản phẩm được chứng nhận sẽ được phát hành cho chủ sở hữu thương hiệu trong hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm.

Truy nguyên sản phẩm đến cấp độ bán lẻ thường là tùy chọn, bao gồm cả chè. Tuy nhiên, đối với các nhà bán lẻ chịu trách nhiệm thanh toán SD/SI (ngoại trừ chè), việc truy nguyên sản phẩm luôn là bắt buộc.

Đối với đơn vị sở hữu thương hiệu bán lẻ không muốn và không bắt buộc phải tham gia truy nguyên sản phẩm, nhà sản xuất sản phẩm cuối cùng có thể đổi số lượng tương ứng từ tài khoản của chính họ, thay vì tuyên bố bán hàng cho nhà bán lẻ. Nếu nhà bán lẻ quyết định tham gia truy nguyên sản phẩm, nhà sản xuất sản phẩm cuối cùng cần tuyên bố bán hàng cho họ. Các nhà bán lẻ không bắt buộc phải đổi số lượng từ tài khoản quản lý truy nguyên của chính họ.

## **Yêu cầu 2.2.2 – quản lý các giao dịch đầu vào của sản phẩm được chứng nhận**

Các giao dịch của sản phẩm được chứng nhận do nhà cung cấp thực hiện phải được xem xét và xác nhận<sup>4</sup> bởi CH đang mua sản phẩm được chứng nhận.

Các công ty có khối lượng giao dịch lớn có thể sử dụng chức năng Đối tác Thương mại Đáng tin cậy của chúng tôi trong nền tảng trực tuyến, nơi tất cả các giao dịch từ các nhà cung cấp được chọn sẽ được hệ thống tự động xác nhận.

## **Yêu cầu 2.2.3 – xóa khối lượng được chứng nhận**

Các sản phẩm được chứng nhận sẽ bị xóa khỏi hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm khi chúng không được bán dưới dạng Rainforest Alliance Certified, mà dưới dạng thông thường hoặc được chứng nhận bởi một chương trình chứng nhận khác hoặc khi khối lượng bị hư hỏng và/hoặc bị mất.

Không bắt buộc phải xóa Cân bằng khối lượng khỏi hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm và giao dịch bán hàng cần được cấp cho người mua (nếu có) sau khi khối lượng tương đương được chứng nhận tương ứng đã được bán.

## **Yêu cầu 2.2.1 và 2.2.3 – thời điểm báo cáo**

Các giao dịch phải được báo cáo trên hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm muộn nhất trong vòng 2 tuần kể từ cuối quý theo năm dương lịch (tháng 1 - tháng 3, tháng 4 - tháng 6, tháng 7 - tháng 9, tháng 10 - tháng 12) mà giao dịch diễn ra.

- *Ví dụ 1:* Giao dịch bán hàng trực tiếp được thực hiện vào tháng 5 - CH phải báo cáo giao dịch bán hàng chậm nhất vào ngày 14 tháng 7.

---

<sup>3</sup>Quy đổi = đơn vị sở hữu chứng nhận thương hiệu truy nguyên khối lượng ngoài hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm được bán dưới dạng sản phẩm cuối cùng hướng tới người tiêu dùng. Hoạt động "quy đổi" đánh dấu bước cuối cùng của quản lý truy nguyên sản phẩm trực tuyến đối với các sản phẩm được Rainforest Alliance Chứng nhận.

<sup>4</sup>Xác nhận = CH xem xét và phê duyệt các thông tin chi tiết (khối lượng, cấp độ truy nguyên, và bất kỳ tài liệu liên quan nào khác được cung cấp) của các giao dịch đầu vào từ các nhà cung cấp được chứng nhận, xem liệu những thông tin này có tương ứng với thông tin chi tiết trên hóa đơn và hợp đồng với nhà cung cấp của họ.



- Ví dụ 2: Khối lượng được chứng nhận được bán như sản phẩm thông thường vào tháng 12 - CH phải xóa sản phẩm được chứng nhận khỏi hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm chậm nhất vào ngày 14 tháng 1 năm sau.

Trong trường hợp CH không thể tuyên bố việc bán sản phẩm được chứng nhận cho người mua trong khung thời gian yêu cầu, do nhà cung cấp của CH chưa tuyên bố việc bán sản phẩm cho họ, thì CH cần chứng minh sự cẩn trọng trong việc liên hệ với nhà cung cấp.

### **Yêu cầu 2.2.5 – tổng hợp các giao dịch**

Nếu một số lô hàng được kết hợp thành một giao dịch trong hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm, CH phải cung cấp đầy đủ thông tin hỗ trợ trong giao dịch để có thể xác định từng lô hàng. Điều này có thể được thực hiện bằng cách bao gồm các thông tin như khối lượng riêng lẻ, số hóa đơn, mã lô hàng và ngày trong giao dịch hoặc bằng cách tải lên Excel có chứa thông tin này.

## **4. CÂN BẰNG KHỐI LƯỢNG**

### **Yêu cầu 2.3.1 – chuyển đổi khối lượng**

Theo quy tắc cân bằng khối lượng của chúng tôi, để bán khối lượng thông thường dưới dạng được chứng nhận, chỉ có thể chuyển đổi khối lượng được chứng nhận cho cùng một sản phẩm hoặc theo hướng xử lý trực tiếp thực tế, ví dụ:

- Chuyển đổi bơ ca cao được chứng nhận sang bơ ca cao thông thường
- Chuyển đổi hạt ca cao được chứng nhận sang bơ ca cao thông thường
- Chuyển đổi hạt phỉ nguyên vỏ được chứng nhận thành nhân hạt phỉ rang thông thường
- Chuyển đổi dầu dừa thô được chứng nhận thành tinh dầu dừa thông thường

Không được phép chuyển đổi khối lượng theo hướng ngược lại, ví dụ:

- Chuyển đổi ca cao lỏng được chứng nhận sang hạt ca cao nghiền thông thường
- Chuyển đổi sô cô la được chứng nhận sang bơ ca cao thông thường
- Chuyển đổi bơ ca cao được chứng nhận sang bột ca cao thông thường (và ngược lại)
- Chuyển đổi nhân hạt phỉ đã qua chế biến thành hạt phỉ nguyên vỏ

Việc chuyển đổi khối lượng từ các sản phẩm đa thành phần được Rainforest Alliance chứng nhận (ví dụ: sô cô la) sang các sản phẩm một thành phần thông thường (ví dụ: bơ ca cao) cũng không được phép vì việc làm này được coi là chuyển đổi ngược.

Cho phép chuyển đổi khối lượng từ các sản phẩm đa thành phần được Rainforest Alliance Chứng nhận (ví dụ: trà thảo mộc) sang các sản phẩm đa thành phần thông thường (ví dụ: trà thảo mộc).

### **Yêu cầu 2.3.3 và 2.3.4 – phù hợp về nguồn gốc**

Đối với ngành ca cao, các yêu cầu và định nghĩa phù hợp về nguồn gốc sau đây được áp dụng:

#### **Định nghĩa**

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <b>Khối lượng hàng năm</b>         | Tổng khối lượng theo xuất xứ của doanh số bán rượu được chứng nhận thực tế trong khoảng thời gian 12 tháng.  |
| <b>Xuất xứ</b>                     | Quốc gia nơi sản xuất ra hạt ca cao được chứng nhận.   |
| <b>Nguồn gốc xuất xứ</b>           | Quốc gia xuất xứ của trang trại CH cho khối lượng ca cao được chứng nhận trong hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm.  |
| <b>Phù hợp về nguồn gốc</b>        | Khi mua một lượng ca cao được chứng nhận để bán một lượng ca cao thông thường tương đương được chứng nhận, thì xuất xứ của cả hai cần phải giống nhau (trên mỗi giao dịch hoặc trên cơ sở tổng hợp).     |
| <b>Kế hoạch tìm nguồn cung ứng</b> | Kế hoạch thực hiện việc chuyển đổi nguồn cung ứng được chứng nhận để đáp ứng các yêu cầu phù hợp về nguồn gốc. Kế hoạch này phải được gửi cho Rainforest Alliance và được Rainforest Alliance phê duyệt. |



## Phạm vi áp dụng

Bắt buộc phù hợp về nguồn gốc đối với tất cả các giao dịch đã hoàn tất trong hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm với các hợp đồng được ký từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đối với các yêu cầu của giai đoạn 1, và ngày 01 tháng 10 năm 2023 đối với các yêu cầu của giai đoạn 2, như được nêu trong tài liệu này.

Bao gồm tất cả sản phẩm ca cao đạt chứng nhận cân bằng khối lượng có yêu cầu phù hợp về nguồn gốc, và có nguồn gốc xuất xứ hiển thị trên nền tảng quản lý truy nguyên sản phẩm. Tuy nhiên, Rainforest Alliance có thể miễn yêu cầu phù hợp về nguồn gốc đối với một khối lượng và nguồn gốc cụ thể dựa trên việc phê duyệt kế hoạch tìm nguồn cung ứng.

## Yêu cầu Giai đoạn 1

### Hạt ca cao và hạt ca cao nghiền

Yêu cầu phù hợp về nguồn gốc là bắt buộc đối với 100% của mỗi giao dịch mua và bán hạt ca cao và hạt ca cao nghiền được chứng nhận giữa các CH trong chuỗi cung ứng. Tài liệu mua và bán hạt và hạt nghiền được chứng nhận phải bao gồm thông tin về nguồn gốc ở cấp quốc gia đối với hạt ca cao và hạt ca cao nghiền, cả loại được chứng nhận và loại thông thường.

### Ca cao lỏng

Yêu cầu phù hợp về nguồn gốc là bắt buộc đối với giao dịch bán ca cao lỏng được chứng nhận đầu tiên trong chuỗi cung ứng ở cấp độ tổng hợp cho mỗi khoảng thời gian 12 tháng (các trường hợp ngoại lệ bên dưới trong giai đoạn 2). Các công ty phải tính toán khối lượng hàng năm để phù hợp nguồn gốc cân bằng khối lượng được chứng nhận và kèm theo bằng chứng kiểm toán. Tài liệu cần thiết ở cấp CH đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng bao gồm thông tin về nguồn gốc ở cấp quốc gia đối với nguyên liệu đầu vào ca cao được chứng nhận và không được chứng nhận.

Chứng nhận tổng hợp nguồn gốc của giao dịch bán ca cao lỏng và đối chiếu công thức hàng năm. Bắt buộc phải phù hợp về nguồn gốc ít nhất 80% theo khối lượng.

Nếu mức phù hợp về nguồn gốc thấp hơn 80% trong khoảng thời gian 12 tháng, thì khoản chênh lệch khối lượng phải được bù đắp trong vòng 3 tháng tiếp theo.

## Yêu cầu Giai đoạn 2

### Xuất khẩu từ Bờ Biển Ngà, Ghana, Ecuador

Ngoài tất cả các yêu cầu giai đoạn 1, 100% từng giao dịch bán hàng xuất khẩu các sản phẩm ca cao lỏng, bơ ca cao hoặc bột ca cao được chứng nhận phải phù hợp về nguồn gốc từ quốc gia xuất xứ (đối với Bờ Biển Ngà, Ghana và Ecuador). Không cần thực hiện đối chiếu xuất xứ đối với bất kỳ CH chuỗi cung ứng nào trên cấp đơn vị nhập khẩu.

## Tiếp cận khu vực xuất xứ

Việc đối chiếu nguồn gốc có thể được thực hiện ở cấp độ khu vực đối với tất cả các sản phẩm ngoại trừ hạt ca cao và hạt ca cao nghiền kết hợp các quốc gia xuất xứ cụ thể nhỏ hơn, như được xác định trong bảng dưới đây:

| Khu vực           | Quốc gia  | Ngoại lệ  |
|-------------------|---|---|
| Tây Phi           | Guinea, Liberia, Togo, Sierra Leone, các quốc gia châu Phi khác                               | Không bao gồm: Cameroon, Côte d'Ivoire, Ghana, Nigeria, Madagascar hoặc các quốc gia được liệt kê ở Trung và Đông Phi |
| Trung và Đông Phi | Congo, Cộng hòa Dân chủ Congo, Guinea Xích đạo, Gabon, Sao Tome và Príncipe, Tanzania, Uganda | Không bao gồm: Cameroon, Madagascar   |



|                          |   |   |
|--------------------------|---|---|
| Nam Mỹ                   | Belize, Bolivia, Costa Rica, Cuba, Dominica, Grenada, Guatemala, Haiti, Honduras, Jamaica, Mexico, Nicaragua, Panama, Santa Lucia, Trinidad và Tobago, Venezuela, các quốc gia châu Mỹ khác | Không bao gồm: Brazil, Colombia, Cộng hòa Dominica, Ecuador, Peru |
| Châu Á và Châu Đại Dương | Fiji, Ấn Độ, Malaysia, Papua New Guinea, Philippines, Quần đảo Solomon, Sri Lanka, Thái Lan, Vanuatu, Việt Nam, các quốc gia Châu Á và Châu Đại Dương khác                                  | Không bao gồm: Indonesia  |